

## I. Write the words in English.

1. Đi picnic
2. Tận hưởng buổi tiệc
3. Xem tivi
4. Tham gia lễ hội trò chơi
5. Đã ăn đồ ăn và thức uống ngon
6. Đã chơi trốn tìm
7. Đã trò chuyện với bạn bè
8. Đã xem hoạt hình
9. Ở vùng động quê
10. Trên bãi biển
11. Ở trường
12. Ở gần biển
13. Khám phá hang động
14. Đi thuyền xung quanh đảo
15. Xây lâu đài cát trên bãi biển
16. Bơi ở biển

## II. Translate into English.

1. Hoa sống ở đâu? – Cô ấy sống ở Đà Nẵng.  
.....
2. Năm ngoái bạn đi nghỉ ở đâu?  
.....
3. Tối qua Lan có xem ti vi không?  
- Không, cô ấy làm bài tập về nhà.  
.....  
.....
4. Cuối tuần này bạn sẽ làm gì?  
.....
5. An: Tối qua bạn có đến bữa tiệc sinh nhật Minh không?  
Nam: Có chứ.  
An: Các bạn đã làm gì?  
Nam: Chúng tớ ăn nhiều đồ ăn, thức uống ngon, hát một vài bài hát và  
trò chuyện với nhau.  
An: Các bạn có xem hoạt hình không?  
Nam: Không, chúng tớ chơi game.  
.....  
.....  
.....

- .....
- .....
- .....
6. Bạn thường làm gì vào buổi sáng?
- .....
7. Tôi luôn luôn tập thể dục vào 6 giờ sáng.
- .....
8. Bạn đi học bằng phương tiện gì?
- .....
9. Địa chỉ của bạn là gì?
- .....
10. Linh sống ở 32 phố Nguyễn Trãi.
- .....
11. Mẹ tôi thích chơi cầu lông hàng ngày.
- .....
12. Thi thoảng tôi tới vườn thú cùng bố mẹ vào dịp cuối tuần.
- .....
13. Bạn sẽ ở đâu cuối tuần này?
- .....
14. Tớ nghĩ tớ sẽ ở vùng đồng quê.
- .....
15. Bạn sẽ làm gì ở đảo Cô Tô?
- .....
16. Tớ sẽ đi thuyền xung quanh đảo.
- .....
17. Bạn đã làm gì ở bữa tiệc?
- .....
18. Tớ đã ăn đồ ăn và thức uống ngon và trò chuyện cùng bạn bè.
- .....
19. Các bạn đã chơi trốn tìm chứ? - Ừ, chúng tớ có chơi.
- .....
20. Bạn đã đi đâu?
- .....